TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNBM
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 16-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BM, TỈNH HG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Nguyễn Quang Sỹ.
- Ông: Nguyễn Minh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Công Thư ký Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh HG: Ông Dư Văn Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyệnBM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Văn C (tên gọi khác: Đặng Văn C1) Sinh ngày 16/02/1987 tại huyện BM, tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn BC, xã YC, huyện BM, tỉnh HG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Dao; Giới tính:Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn L sinh năm 1953 (chết năm 2005) và con bà: Bồn Thị D sinh năm 1964 (chết năm 2002); Có vợ: Mùng Thị H sinh năm 1993 và có 01 con Đặng Minh H2 sinh năm 2011; Có 06 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Tiền sự: Không, Tiền án: Ngày 29 tháng 8 năm 2013 Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG xử phạt 09 tháng tù về tội *Không tố giác tội phạm* (chấp hành xong hình phạt tù ngày 19 tháng 3 năm 2014); Ngày 20 tháng 8 năm 2015 Tòa án nhân dân thành phố HG, tỉnh HG xử phạt 12 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27 tháng 5 năm 2016), tuy nhiên số tiền 250.000đ truy thu để sung quỹ Nhà nước và án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Bị cáo chưa chấp hành); Ngày 22 tháng 3 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh TQ xử phạt 36 tháng tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*; bị bắt ngày 09 tháng 12 năm 2017. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện BM, tỉnh HG (*Có mặt*).

- Người bào chữa cho bị cáo: Nguyễn Thị H3 Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh HG.(*Có mặt*).

2. Những người bị hại

- Anh: Trương Văn M; Sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn KL, xã MN, huyện BM, tỉnh HG (*Có mặt*).

- Anh: Nông Văn H4 Sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn BL ,Xã KT, huyện VX, tỉnh HG. (*Có mặt*).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Anh: Tráng Văn C3; Sinh ngày 02/02/2001 (*Vắng mặt không lý do*).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tráng Văn Củi.

- Ông: Tráng Văn B; Sinh năm 1975 (*Vắng mặt không lý do*).

Đều cư trú: Thôn BN, xã YC, huyện BM, tỉnh HG.

- Anh: Nguyễn Hà Đ; Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ 12 phường TP, thành phố HG, tỉnh HG (*Vắng mặt không lý do*).

4. Người làm chứng

- Anh: Nông Văn T; Sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn BL thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG. (*Vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 10 tháng 10 năm 2017, Đặng Văn C (tên gọi khác Đặng Văn C2), Nơi cư trú: Thôn BC, xã YC, huyện BM, tỉnh HG đi nhờ xe ô tô chở quặng từ thành phố HG vào xã MS, huyện BM chơi, khi đi đến đoạn đường thuộc thôn KL, xã MN nhìn thấy Tráng Thị Â *(cháu gái của C)* trú tại thôn KL, xã MN đang đứng cạnh quán bán hàng của bà Hoàng Thị M2 thì C xin xuống xe ô tô để gặp Â khoảng 11 giờ cùng ngày. Khi gặp nhau nói chuyện với Â thì Chạy mới biết Tráng Văn C3 sinh ngày 01/02/2001 ở thôn BN, xã YC, huyện BM (cháu của C) đang làm nhà thuê cho ông Trương Văn M ở thôn KL, xã MN. Sau đó C đi vào nhà ông M để gặp C3, khi gặp nhau C và C3 ngồi chơi một lúc tại lán nhà ông M rồi quay ra quán của bà Hoàng Thị M2 ở thôn KL, xã MN ăn mì tôm uống bia, đến khoảng 13h cùng ngày, C bảo C3 đi mượn một chiếc xe máy để đưa C lên nhà Tráng Thị Â chơi, C3 đồng ý đi đến nhà ông Trương Văn M, C3 hỏi mượn chiếc xe máy BKS 23K1-050.52 nhãn hiệu HONDA, loại xe SUPPER-Dream và được ông M đồng ý.

Sau khi mượn được xe máy Củi đèo Chạy đi ra nhà Tráng Thị Â, khi đi gần đến nhà Â, Chlại rủ C3 đi lên huyện BM chơi thì 3 đồng ý tiếp tục điều khiển xe máy đi đến ngã ba đường Quốc lộ 34 dừng xe lại, C thay C3 điều khiển xe máy đi lên huyện BM chơi theo đường Quốc lộ 34 hướng HG - CB. C điều khiển xe máy đi được một lúc thì thấy xe máy của ông M còn sử dụng tốt, C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy để mang đi bán lấy tiền tiêu. Khi lên đến trung tâm huyện BM C không dừng xe lại, mà tiếp tục điều khiển xe máy sang thôn

BB, xã TH, huyện BL, tỉnh CB vào nhà bố C4 (không biết họ tên, trước đó C gặp và quen nhau ở chợ) ăn tối và ngủ tại đây. Đến Sáng ngày 11 tháng 10 năm 2017 C điều khiển xe máy chở C3 đi lên huyện MV, tỉnh HG đến thôn Pó Pì A, xã NT, huyện MV hết xăng, C rẽ vào quán bán xăng lẻ của ông Ma Công C5 ở bên lề đường mua 02 lít xăng, đổ xăng xong không có tiền trả, C tháo biển số 23K1-050.52 gắn ở xe máy ra để cầm cố và hẹn khi quay về sẽ chuộc lại biển số ông C4 đồng ý. C tiếp tục điều khiển qua huyện MV đi xuống huyện YM, khi đến trung tâm huyện YM xe máy hết xăng không đi được, tiền không có, C mượn điện thoại di động của một người thanh niên đi qua đường gọi điện thoại cho Nguyễn Hà Đ ở Phường TP, thành phố HG nói là "*em có một chiếc xe máy hãng HONDA, loại xe Dream II, biển số xe em đã cắm ở huyện YM rồi, anh cầm cố hộ em được không*", thì được anh Đ đồng ý và hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ SL ở thành phố HG. C để chiếc xe máy lên xe ô tô khách rồi cùng C3 đi xuống thành phố HG, đến nhà nghỉ SL khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Đ trả tiền xe khách cho C hết 300.000đồng, C và C3 cho xe máy xuống rồi cùng Đ đi vào trong nhà nghỉ, C bảo C3 ngồi chờ ở quầy lễ tân tầng 1 còn C và Đ đi lên tầng 2 vào phòng 304 nhà nghỉ SL trao đổi cầm cố chiếc xe máy cho anh Đ được 4.000.000đồng, lấy tiền xong C xuống tầng 1 nhờ nhân viên quầy lễ tân gọi hộ xe taxi. Sau đó C và C3 lên taxi đi đến phường MK, thành phố HG vào cửa hàng cầm đồ chuộc lại chiếc điện thoại Iphone 5 mà C đã cầm cố trước đó hết 1.700.000đồng, rồi đi tiếp xuống huyện VX chơi, trên đường đi xuống huyện VX C có nói cho C3 biết là đã cắm chiếc xe máy của ông M rồi và nói mấy hôm nữa có tiền sẽ chuộc lại xe trả ông M. Khi xuống đến huyện VX, tỉnh HG C và C3 đi vào nhà khách Công đoàn 2 thuê phòng nghỉ được 2 ngày. Lúc này do C3 không có quần áo để thay nên C đưa cho C3 300.000đồng mua một bộ quần áo mặc, còn lại 2.000.000đồng C trả tiền taxi, tiền nhà nghỉ và ăn tiêu hết. Sau đó Ch và C3 đi lên thành phố HG tìm việc làm thuê ở thành phố HG không quay về gia đình, còn C vẫn lẩn trốn ở thành phố HG. Quá trình đi trên đường cũng như tại Nhà nghỉ C không bàn bạc, hứa hẹn gì với C3 mà tự mình trao đổi và cầm cố chiếc xe máy.

Đối với ông Trương Văn M không thấy C3 mang xe máy về trả nhờ người đi tìm không có kết quả. Đến chiều ngày 10 tháng 10 năm 2017 ông M làm đơn trình báo Công an xã MM, huyện BM. Đến ngày 11 tháng 10 năm 2017 Công an xã MN báo cáo vụ việc với Công an huyện BM để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận vụ việc Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã tiến hành kiểm tra, xác minh bị hại, những người biết việc, người liên quan. Đến ngày 23 tháng 10 năm 2017 đã xác minh được đối tượng Tráng Văn C3 và triệu tập về Công an huyện BM để làm việc, còn đối tượng Đặng Văn C vẫn lẩn trốn cho đến ngày 09 tháng 12 năm 2017 C đến Công an huyện BM để đầu thú.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 Công an Phường NH, thành phố HG qua tuần tra kiểm soát giao thông phát hiện và tạm giữ chiếc xe máy BKS 23K1 - 050.52 nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream II của ông Trương Văn M bị mất ngày 10 tháng 10 năm 2017 liên quan đến vụ việc Công an huyện BM đang thụ lý giải

quyết, nên công an Phường NH bàn giao chiếc xe máy cho Cơ quan CSĐT Công an huyện BM để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện BM ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe máy BKS 23K1-050.52, tại bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản chiếc xe mô tô BKS 23K1-050.52 trị giá 18.500.000đ *(Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Trong quá trình điều tra Đặng Văn C khai nhận ngày 18 tháng 3 năm 2017. Đặng Văn C đến nhà anh Nguyễn Văn T ở thôn NP, thị trấn YP, huyện BM chơi, đến ngày 17 tháng 3 năm 2017 có anh Nông Văn H ở thôn BL, thị trấn YP, huyện BM cũng đến nhà anh T chơi, C gặp và nói chuyện với anh H, qua cuộc nói chuyện C biết ngày 18 tháng 3 năm 2017 anh H đi ra thành phố H làm thuê, nên C xin đi nhờ xe cùng anh H đồng ý. Đến chiều tối ngày 17 tháng 3 năm 2017 anh H điều khiển xe máy đèo C lên thôn PM, thị trấn YP lấy quần áo rồi đi đến nhà anh Nông Văn T3 ở thôn BL, thị trấn YP, huyện BM (anh trai H) ăn cơm tối và ngủ tại đó. Quá trình ngồi chơi C có hỏi anh T3 ở trong thôn có nanh lợn rừng bán không, để mua mang đi bán, anh T3 nói cho C biết nhà anh Lý Văn N*(cùng thôn)* còn có hai chiếc nanh lợn rừng và hẹn sáng ngày hôm sau đi xem.

Khoảng 8 giờ ngày 18/3/2017 anh T đèo C đi đến nhà ông Lý Văn N xem nanh lợn *(còn H ở nhà T chờ)*. Khi đến nhà ông N lấy ra hai chiếc nanh lợn cho C xem xong C nói với ông N là hiện giờ không có tiền, hẹn chiều quay lại rồi đi về nhà anh T. Đến Khoảng 13h cùng ngày anh H điều khiển xe máy BKS 23H1-102.84, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave đèo C đi ra thành phố HG. Trên đường đi từ thôn BL ra trung tâm huyện BM, C nói với anh H "*Chiếc nanh lợn của ông N rất có giá trị, nếu mua bán lại sẽ có lãi rồi chia nhau*" và bảo anh H đi cầm cố chiếc xe máy để lấy tiền đi mua nanh lợn (thực tế C không biết chiếc nanh lợn rừng có giá trị là bao nhiêu và không biết bán cho ai). Do tin tưởng lời C nói với mình là thật nên anh H đồng ý. Anh H điều khiển xe máy đến nhà ông Nguyễn Đình H ở tổ 3, thị trấn YP, huyện BM, cầm cố chiếc xe máy BKS 23H1-102.84 của anh H được 10.000.000đồng, sau khi nhận đủ số tiền 10.000.000đồng anh H đưa tiền cho C cầm rồi đi bộ đến đập tràn thôn NN, thị trấn YP dừng lại, anh H lấy điện thoại gọi cho anh T2 (anh trai H) ra đón C vào nhà ông để mua nanh lợn. Sau khi nhận được điện thoại của H, anh T2 điều khiển xe máy ra chỗ hẹn đón C đi vào nhà ông Lý Văn (còn H đứng ở đấy chờ), Khi gần đến nhà ông N, C bảo T2 đi vào nhà ông N trước, C đi mua bao thuốc lá rồi đi vào sau. Nghe vậy anh T2 đi vào nhà ông N trước, còn C vào quán bán hàng gần nhà ông N mua một bao thuốc lá xong và nhìn thấy có một người thanh niên điều khiển xe máy đi ra hướng trung tâm huyện M, Cvẫy lại và đi nhờ xe máy của người khác ra thành phố HG và chiếm đoạt, tiêu sài hết số tiền 10.000.000đ

Những người bị hại

- *Anh Trương Văn M xác nhận* chiều ngày 10 tháng 10 năm 2017 Tráng Văn C3 đi cùng Đặng Văn C, Củi hỏi mượn chiếc xe máy BKS 23K1-050.52

nhãn hiệu HONDA, loại xe SUPPER-Dream của tôi được khoảng 30 phút không thấy trả. Tôi làm đơn trình báo Công an xã MN giải quyết, trong thời gian điều tra vụ án Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản. Nay đề nghị về trách nhiệm hình xử lý theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bồi thường.

- *Anh Nông Văn H xác nhận* ngày 17 tháng 3 năm 2017 tôi đến nhà anh T chơi gặp C nói chuyện mai đi ra HG làm thuê, C hỏi đi nhờ. Chiều ngày 18 tháng 3 năm 2017 tôi đèo C ra HG, trên đường đi C nói chuyện "*Chiếc nanh lợn của ông Ncó giá trị, nếu mua bán lại có lãi rồi chia nhau*" bảo tôi đi cầm cố chiếc xe máy lấy tiền đi mua nanh lợn rừng, tưởng C nói thật tôi đồng ý mang xe máy đến nhà ông Nguyễn Đình H cầm cố chiếc xe máy BKS 23H1-102.84 của tôi được 10.000.000đồng, đưa tiền cho C rồi đi bộ vào đập tràn thôn NN, tôi lấy điện thoại gọi cho anh trai ra đón C vào nhà ông N để mua nanh lợn. Khi anh T3 đi xe máy ra đón C vào nhà ông Lý Văn N tôi đứng chờ không thấy C đến, từ đó đến nay C chưa trả lại tôi số tiền 10.000.000đồng. Nay đề nghị Hội đồng xét xử về hình phạt xử bị cáo theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự đề nghị Đặng Văn C trả lại tôi số tiền là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Anh Tráng Văn C3 và anh Nguyễn Hà Đ khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Người làm chứng anh Nông Văn T3 xác nhận chiều ngày 18 tháng 3 năm 2017 em trai H gọi điện nhờ ra đập tràn đón C vào nhà ông N để mua nanh lợn. Sau đó đi xe máy ra chỗ hẹn đón C vào nhà ông Lý Văn N (còn H đứng ở đấy chờ) khi đến gần nhà ông N, C bảo tôi đi vào nhà ông N trước, C đi mua bao thuốc lá rồi vào sau. Nghe vậy tôi đi vào nhà ông N trước, còn C vào quán bán hàng gần nhà ông N mua thuốc lá. Một lúc sau thì không thấy C vào và đi đâu không rõ

Theo cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 28/3/2018 của VKSND truy tố bị cáo Đặng Văn C về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999*. Tại phiên toà đại diện VKS giữ quyền công tố đã kết luận và phát biểu quan điểm của VKS, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Đặng Văn C (tên gọi khác Đặng Văn C2) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139 và điểm đ khoản 2 Điều 140; Điều 33, điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50; 51 của BLHS năm 1999.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Văn C từ 32 đến 36 tháng tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, từ 30 đến 36 tháng tù về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* và 36 tháng tù tại bản án số 13/2018/HS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh TQ. Tổng hợp hai bản án bị cáo phải chấp hành từ 98 đến 108 tháng tù.

- Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã xác định đúng chủ sở hữu và trả lại cho anh Trương Văn M là đúng. Nên không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 BLDS. Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại số tiền cho anh Nông Văn H 10.000.000đồng.

Đối với anh Trương Văn M và anh Nguyễn Hà Đ không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Toà án. Bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đặng Văn C, đồng thuận với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh của bị cáo đã phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu, hồ sơ có trong vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy việc bị cáo bị đưa ra xét xử ngày hôm nay về tội danh là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- *Về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo*: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau đây có thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Sau khi bị phát hiện bị cáo cũng đã đến cơ quan Công an huyệnBM để đầu thú, do đo có thể áp dụng nguyên tắc xử lý hình sự quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định "khoan hồng đối với người đầu thú…"

+ Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và rất mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật theo điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS.

Từ những lý lẽ trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử.

+ Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139 và điểm đ khoản 2 Điều 140; Điều 33, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50; Điều 51 của BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo 48 đến 52 tháng tù về

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự, bị cáo Đặng Văn C trả cho anh Nông Văn H 10.000.000đ.

+ Về Án phí: : Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Toà án, bị cáo Đặng Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Ý kiến Kiểm sát viên: Trợ giúp viên pháp lý áp dụng điểm b, khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự là không có cơ sở vì trong quá trình điều tra, truy tố bị

cáo không đề cập mà tại phiên tòa hôm nay bị cáo mới trình bày mặt khác bị cáo không cung cấp tài liệu chứng minh. Về hình phạt bị cáo nhân thân xấu liên tục phạm tội bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ Kiểm sát viên, trợ giúp viên pháp lý, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BM, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, Kiểm sát viên; Tòa án nhân dân huyện BM, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã xác định hành vi của bị cáo như sau: Ngày 10 tháng 10 năm 2017 Đặng Văn C bảo Tráng Văn C3 (*cháu của C*) mượn xe máy BKS 23K1- 050.52 trị giá 18.500.000 đồng của ông Trương Văn M đưa Chạy đi chơi, sau đó C nêu ra lý do đi chơi nhiều nơi khi đến thành phố HG cầm cố chiếc xe máy cho Nguyễn Hà Đ được 4.000.000đ rồi đi xuống huyện VX tiêu sài hết số tiền vừa cắm xe.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận trước đó ngày 18 tháng 3 năm 2017 đưa ra thông tin không đúng sự thật nói với anh Nông Văn H là chiếc nanh lợn rừng của ông N rất có giá trị, nếu mua mang đi bán có lãi sẽ chia nhau (*thực tế C không biết giá bao nhiêu tiền, không biết bán cho ai)*. Do tin tưởng những lời C nói là thật, nên anh H đã nghe lời C đi cầm cố chiếc xe máy của mình BKS: 23H1-102.84 được 10.000.000đồng đưa cho C đi mua nanh lợn rừng, sau khi cầm được tiền C không đi mua nanh lợn rừng mà trốn ra thành phố HG chiếm đoạt số tiền tiêu sài hết. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999* là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây sự hoang mang cho người dân. Bị cáo có hành vi gian dối rủ Tráng Văn C3 là đi chơi nhiều nơi khi đến thành phố HG cầm cố chiếc xe máy cho Nguyễn Hà Đ được 4.000.000đ tiêu sài

hết, sau đó bỏ trốn như vậy bị cáo đã phạm vào tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.*

Ngoài ra ngày 18 tháng 3 năm 2017 bị cáo tạo lòng tin với anh Nông Văn H đưa ra thông tin không đúng sự thật nói với anh H mua nanh lợn rừng mang đi bán tiền lãi sẽ chia nhau. Anh H do tin tưởng lời nói C là thật nên anh H đã cầm cố chiếc xe máy 10.000.000đồng đưa cho C, khi cầm được 10.000.000đồng của anh H bị cáo trốn ra thành phố HG chơi và tiêu sai hết. Như vậy bị cáo đã phạm vào tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.* Trong khi bị cáo đã có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, dân sự và hoàn toàn nhận thức được với 02 vụ việc trên là vi phạm pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. do hành vi phạm tội của bị cáo được đưa ra xét xử theo tình tiết định khung

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo có 2 tiền án đều chưa được xóa án, bị truy tố và đưa ra xét xử theo tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm trong khi giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới mức định lượng quy định tại Khoản 2 Điều 139 và Khoản 2 Điều 140 BLHS nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 46 BLHS. Mặt khác, sống ở vùng kinh tế khó khăn, người dân tộc tiểu số, trình độ học vấn thấp, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi xảy ra vụ án bị cáo ra đầu thú nên áp dụng thêm cho bị cáo tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo bị tuyên phạt hai tội do đó tổng hợp hình phạt khi phạm nhiều tội. Ngoài ra bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện CH , tỉnh TQ phạt 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó tổng hợp hình phạt với bản án của Tòa án nhân dân huyện CH tỉnh TQ. Áp dụng Điều 50 và 51 Bộ luật hình sự năm 1999

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với Tráng Văn C3 được bị cáo C bảo đi mượn xe máy của anh Trương Văn M đưa đi chơi, quá trình đi chơi đến khi bị cáo C đứng ra giao dịch cầm cố chiếc xe máy không bàn bạc, hứa hẹn gì với C3 mà tự bản thân bị cáo C trao đổi và cầm cố chiếc xe máy Củi hoàn toàn không biết. Nên không có cơ sở kết luận C3 đồng phạm với bị cáo về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.*

[7] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền là có căn cứ chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị về hình phạt với mức án từ 48 đến 52 tháng tù như vậy chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo; vật chứng là có căn cứ chấp nhận.

[9] Trách nhiệm dân sự:

- Đối với người bị hại anh Trương Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hà Đ không yêu cầu bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người bị hại anh Nông Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999; Khoản 1 Điều 584, khoản 1, 3 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyệnBM tạm giữ gồm: 01 chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 001333, tên chủ xe Trương Văn M; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe SUPPER-DREAM và 01 BKS 23K1-05052. Đến ngày 22/01/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyệnBM đã xác định đúng chủ sở hữu và trả lại cho ông Trương Văn M là đúng. Nên HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo: Đặng Văn C (tên gọi khác: Đặng Văn C2) phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139 và điểm đ khoản 2 Điều 140; Điều 33, điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50; 51 của BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn C 32 (*Ba mươi hai)* tháng tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, 30 (*Ba mươi)* tháng tù về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* và 36 (*Ba mươi sáu)* tháng tù tại bản án số 13/2018/HS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh TQ. Tổng hợp hai bản án bị cáo phải chấp hành **98** (*Chín mươi tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 09/12/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Văn C (tên gọi khác: Đặng Văn C2) trả cho anh Nông Văn H; Nơi cư trú: Thôn BL Xã KT, huyện VX, tỉnh HG 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Toà án, bị cáo Đặng Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 500.000đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng.

- **Về quyền kháng cáo**: Bị cáo, Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND tỉnh HG;
- VKSND huyệnBM;
- Công an huyệnBM;.
- Bị cáo, người bị hại;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp HG;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Yên Cường;
- Công an huyện(ĐTV Tuấn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Hùng Thắng